

NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG*
PHẠM QUANG TÙNG**

THỰC HÀNH TÔN GIÁO CỦA CỘNG ĐỒNG MINH SƯ ĐẠO Ở HÀ NỘI HIỆN NAY

Tóm tắt: Minh Sư đạo là một tôn giáo mang tính cứu thế có nguồn gốc từ Trung Quốc và được truyền vào phía nam Việt Nam khoảng từ năm 1811 (Tân Mùi) đến năm Quý Hợi (1863), đã xây dựng được hai Phật đường ở Sài Gòn và Hà Tiên (Kiên Giang). Trải qua những thăng trầm cùng lịch sử Việt Nam, Minh Sư đạo đã tìm được chỗ đứng trong lòng dân tộc và phổ truyền ra nhiều tỉnh, thành phố ở Việt Nam, trong đó có Thủ đô Hà Nội. Hơn 90 năm có mặt ở Thủ đô, Minh Sư đạo đã có những đóng góp đáng kể trong đời sống tinh thần của tín đồ và một bộ phận người dân Thủ đô. Từ khi phổ truyền ra Hà Nội đến nay, Minh Sư đạo luôn đề dặt, cẩn trọng trong mọi hoạt động tôn giáo, tuân thủ đúng pháp luật của Nhà nước, tuy nhiên, do lượng tín đồ còn ít nên chưa khẳng định rõ vị thế của mình trong xã hội. Vậy niềm tin và thực hành niềm tin của Minh Sư đạo như thế nào, gồm những hoạt động gì? Có sức thu hút người dân Hà thành đến đâu? Những đóng góp trong phát triển nguồn lực xã hội của Minh Sư đạo được đánh giá như thế nào? Đó là những nội dung mà bài viết tập trung làm rõ.

Từ khóa: Minh Sư đạo; thực hành tôn giáo; Diệt Nam Phật đường; Hà Nội.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ 2021-2022 về “Tôn giáo ở Nam Bộ (Tỉnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam, Minh Lý đạo-Tam tông miếu và Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo)” do TS. Nguyễn Thị Quế Hương chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 07/5/2021; Ngày biên tập: 27/6/2021; Duyệt đăng: 17/8/2021.

1. Mở đầu

Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (Minh Sư đạo) khởi thủy do Kim Tổ sư (tổ thứ 17) ở Trung Quốc đã được truyền vào Việt Nam khoảng năm 1811. Kim Tổ sư đã cử Trưởng lão Đông Sơ sang Việt Nam và một số các nước lân cận để truyền bá đạo. Trưởng lão Đông Sơ lập tại Cầu Kho (Chợ Lớn) một Phật đường gọi là *Chiếu Minh Phật đường*, rồi Ngài trở về Trung Quốc. Sau một thời gian, Tổ sư sang Thái Lan truyền đạo, trên đường từ Thái Lan về Trung Quốc, Ngài định ghé Chợ Lớn, nhưng tình hình chiến loạn lúc đó ba tỉnh miền Đông bị Pháp chiếm (1859-1862) nên đành ghé qua Hà Tiên vào năm Quý Hợi (1863 - năm Tỵ Đức thứ 16). Ngài lập ở Hà Tiên ngôi Phật đường lấy tên là *Quảng Tế Phật đường* và lại về Trung Quốc¹. Từ đó về sau, nhờ các môn đệ nhiệt thành mà Minh Sư đạo phát triển ngày càng đông, lan rộng khắp vùng Nam Bộ rồi ra đến Bắc Bộ (tiêu biểu là Hà Nội, Thái Bình...). Trong văn bia và minh chuông tại Diệu Nam Phật đường (Diệu Nam đường) được tạo lập cùng năm (Hoàng triều Bảo Đại năm thứ 6 [1931], năm Tân Mùi) có đề cập đến vấn đề xây dựng chùa, đánh dấu sự phổ truyền ra Bắc của Minh sư đạo. Tuy nhiên, trong bia không nói năm nào là năm khởi công xây dựng chùa, do đó dựa vào thời điểm lập bia, chúng tôi cho rằng, Diệu Nam Phật đường (hay còn gọi là chùa Diệu Nam²) đã được xây dựng trước năm 1931. Như vậy, tính đến nay, Diệu Nam Phật đường đã trải qua hơn 90 năm hành đạo và giữ đạo, các cô, cô thái tại Diệu Nam Phật đường, Hà Nội đã cùng các đệ tử không quản gian nan, khó khăn, vất vả để duy trì và phát triển đạo cho đến ngày nay. Là một trong các cơ sở tôn giáo Minh Sư đạo, Diệu Nam Phật đường đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ từ các cơ quan tôn giáo và chính quyền địa phương. Cùng với sự phát triển của toàn đạo, Diệu Nam Phật đường đang mở rộng con đường hành đạo, giúp cho người dân tu hành đạo pháp, tu thân dưỡng tính, góp phần xây dựng xã hội hòa bình, an lạc.

Trong hoạt động của tôn giáo, thực hành tôn giáo là một hoạt động thể hiện rõ nét về niềm tin tôn giáo của bất kỳ một tôn giáo nào. *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* cho biết: Hoạt động tôn giáo gồm *Hoạt động*

hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức tôn giáo. Theo Điều 2, *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*³ thì *sinh hoạt tôn giáo* được hiểu là việc thực hành những lễ nghi tôn giáo theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo đó. Do vậy, trong bài viết này, tác giả tập trung trình bày về những lễ nghi và thực hành lễ nghi tôn giáo của tín đồ Minh Sư đạo tại Diêu Nam đường, được thể hiện ở *thực hành thuần túy tôn giáo và thực hành hướng đến xã hội* của cộng đồng Minh Sư đạo tại Hà Nội thời gian qua.

2. Quá trình hình thành và phát triển của Minh Sư đạo ở Hà Nội

2.1. Lược khảo Minh Sư đạo ở Việt Nam và sự truyền bá ra Hà Nội

Trong *Cao Đài từ điển* E-Book, do soạn giả Nguyễn Văn Hồng, bút hiệu Đức Nguyên soạn, có viết bài giới thiệu về Minh Sư đạo là một trong 5 nhánh phái thuộc Ngũ chi minh đạo. *Ngũ chi minh đạo* là năm nhánh đạo có tên khởi đầu bằng chữ MINH, có nguồn gốc từ nhà Minh, Trung Quốc. Ngũ chi minh đạo gồm: *Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân*. “Trong năm chi, hai chi đầu: Minh Sư và Minh Đường đã ra đời trước năm 1924 có đến mấy trăm năm. Chi Minh Sư xuất hiện ở Trung Hoa vào khoảng năm 1650 trở đi (không rõ năm), nghĩa là sau khi nhà Minh bị nhà Thanh (gốc Mãn Châu) lật đổ. Các cựu thần nhà Minh vì thất bại trong cuộc vận động khôi phục nhà Minh, đã từ bỏ hẳn cuộc đấu tranh chính trị, mà đi vào con đường tu hành, êm đẹp hơn, an toàn hơn, và lại hiệp với Thiên cơ hơn (nhờ phò cơ thỉnh Tiên, biết được vận số nhà Minh đã hết, nhà Thanh còn dài). Các cựu thần ấy được gọi là di thần nhà Minh, bèn khoát áo đi tu, dựng lên một mối đạo tu Tiên (tu luyện đơn/đơn) nên mệnh danh là Minh Sư”⁴.

Trong 28 đời Tổ sư Thiên tông của Ấn Độ, Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma là vị tổ cuối cùng nhưng lại là Sơ tổ Đông Thổ (phương Đông) của các nước Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Thái Lan và các nước khác trong khu vực. Vị Tổ sư thứ 28 (Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma) của Phật giáo Ấn Độ đem tâm ấn truyền sang đất Trung Quốc, đã làm cho đạo Thiên phát triển mạnh và lan tỏa rộng khắp trong khu vực. Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma (~470-543) đã truyền thừa cho các vị tổ khác như Nhị tổ là Đại sư Huệ Khả (486-593), Tam tổ là Đại sư Tăng Xán (497-602), Tứ tổ là

Đại sư Đạo Tín (580-651), Ngũ tổ là Đại sư Hoàng Nhẫn (601-674) và Lục tổ là Đại sư Huệ Năng (638-713) là đời cuối cùng của Thiền tông Trung Hoa. Và cũng từ đây, Thiền tông bắt đầu chia làm hai phái: Nam tông và Bắc tông, không còn lệ *truyền Y Bát* nữa⁵. Tiêu biểu cho hai phái này là hai đệ tử của Ngũ tổ là Đại sư Hoàng Nhẫn⁶: Phái Bắc tông do ngài Thần Tú mở đạo về phương Bắc, tu theo môn phái “Thật tu tiêm ngộ” và phái Nam tông do Đức Lục tổ Huệ Năng (638-713) mở đạo về phương nam, tu theo môn phái “Đốn Ngộ Diệu Tu” còn gọi là Nam tông.

Khi còn tại thế, Đức Tổ Huệ Năng đã tiên đoán rằng: “Ta qua rồi chừng bảy mươi năm sẽ có hai vị Bồ Đề từ hướng Đông lại, nhứt tại gia, nhứt xuất gia đồng thời khai hóa mở dạy chánh pháp của ta”. Quả nhiên như lời tiên tri của Đức Tổ Huệ Năng, sau bảy mươi năm đạo pháp bị đình đốn (khoảng năm 783), xuất hiện hai người sinh cùng thời tại tỉnh Tây Giang, là Mã Công Đạo Nhất Thiền sư và ngài Bạch Ngọc Tổ sư đồng thất Tổ Thiền tông, ứng với đời Đường (618-907). Thời gian này, cả hai vị tổ sư đã mở được 800 thiền đường và 16 chi phái⁷ (có lẽ từ đây được gọi là Phật đường [Thiền phái thời Đường] - NTQH). Sang đời thứ tám, Tổ sư La Công Huý tiên đoán nạn “phá Phật, hủy tạng” sẽ diễn ra trong một tương lai “Dạy đệ tử muốn tránh nạn kiếp nên hòa quang hỗn tục để giữ gìn mỗi đạo”⁸. Để phòng tránh pháp nạn, Đức La Tổ sư đã cho phép các môn đệ mặc áo rộng đen, cải trang theo Nho giáo thay cho y nạp, việc thực hành “hòa quang hỗn tục” khai hóa Phật pháp, mật truyền thiền quán, không phải xuống tóc để được yên thân tu hành mà giữ mỗi đạo⁹. Sau này quả đúng như lời tiên đoán của sư Tổ, tất cả đệ tử theo lời của Tổ sư La Công Huý mặc áo rộng đen như nhà Nho để hành đạo và tránh được nạn pháp¹⁰. Như Thiên cơ ấn định mỗi đạo bị đình trệ tám trăm năm sau (vào khoảng từ năm 1583 – 1644, cuối thời kì nhà Minh (1368-1644)), lúc này mới có Tổ sư thứ chín là Huỳnh Công Đức Huy với lòng mộ đạo, hoàng dương mở đạo, tông phái Phật đường mới được phục hưng và vẫn mặc áo rộng đen¹¹ (từ đây có lẽ là phái Phật đường Minh sư được hình thành - NTQH). Cho đến đời nhà Thanh (1611-1912), thời Đại Thanh Gia Khánh thứ 16, lúc đó vào cùng thời kì nhà Nguyễn (1802-1945), năm *Tân Mùi* (vào năm 1811 - năm *Gia Long* thứ 10), tháng Giêng, có

ngài Đông Sơ Tổ sư (vị tổ thứ 19), nhận lệnh của Đức Kim Tổ¹² đã không nề hà gian lao, cực nhọc đi mở đạo ở Tân Gia Ba (Singapore), Xiêm La (Thái Lan) và Việt Nam. Như vậy trong khoảng từ năm 1811 đến trước năm 1863¹³, giáo lý Minh Sư đạo được truyền vào Việt Nam, từ đây dần hình thành và phát triển đạo¹⁴.

Cũng có một cách giải thích khác cho rằng¹⁵: Do nạn đàn áp Phật giáo vào đời Hậu Chu (951-960), nên vị Tổ sư đời thứ tám và đời thứ chín (sau 800 năm) của họ phải khoác áo đen rộng bên ngoài, đồng thời, các vị thiền sư này đã tham gia phong trào “Bà Minh phục Thanh” nên gọi là Minh sư với ý nghĩa thầy sáng suốt (một dạng phong trào tôn giáo cứu thế ở Trung Quốc như Bạch Liên giáo). Từ những lý giải trên mà có tên gọi Phật đường Nam tông Minh sư đạo (đạo được truyền từ phương Nam thời nhà Minh - NTQH). Đồng thời, nghiên cứu cho rằng, “Tông phái Minh Sư được chính thức truyền sang Việt Nam do Đông Sơ Tổ sư, Đông Sơ Tổ sư tức Trương Đại Dương (1835 - 1879)¹⁶ người Triết Giang, tu hành tại Triều Nguyên động, La Phù sơn, tỉnh Quảng Đông. Ông là tu sĩ trẻ, nhiều lần hăng hái vượt biển ra nước ngoài hành đạo. Đến đời Tự Đức, ông từ Thái Lan đến Hà Tiên năm 1863 (lập Quảng Tế Phật đường),... ông trở về Trung Quốc và trong năm Tân Mùi (1871) ông nhận làm Tổ sư, Chương quản tông phái, hiệu Đông Sơ Tổ sư. Sau đó Đông Sơ Tổ sư dưới dạng một lương y sang Việt Nam, người Hoa và người Việt đến học đạo rất đông. Ông lại trở về Quảng Đông và tịch tại đó. Nhờ đệ tử ông hoạt động tích cực, nên khoảng 1880 - 1890 tông phái Minh Sư phát triển nhanh chóng, tràn khắp Nam Bộ. Thực dân Pháp xem tông phái Minh Sư là một hội kín, thường xuyên theo dõi, vì tín đồ tông phái này thường tham gia các cuộc khởi nghĩa. Lúc bấy giờ Minh Sư hoạt động mạnh ở vùng Chợ Lớn, Cần Giuộc, Chợ Đêm, Gò Công, Cai Lậy, Vũng Liêm, Cần Thơ, Long Xuyên. Thế nhưng, những tín đồ Minh Sư gốc Hoa thì vẫn theo khuynh hướng “Bà Mãn, phục Minh”, còn tín đồ Minh Sư người Việt thì đã chuyển hướng theo con đường yêu nước chống ngoại bang đô hộ. Theo tài liệu của Pháp thì cuộc khởi nghĩa năm 1885 ở Hóc Môn do Phan Hớn lãnh đạo có nhiều tín đồ Phật đường tham gia, nên sau đó chúng cho mật thám tăng cường theo dõi những hoạt động của tông phái này”¹⁷. Trong *Vùng đất Nam*

Bộ có nhắc đến cuộc khởi nghĩa của *Phan Văn Hớn* (Quản Hớn), *Nguyễn Văn Bường* (Đề Bường) năm 1885 ở Bà Điểm, Hóc Môn cùng các phong trào đấu tranh dưới hình thức tôn giáo từ năm 1863 đến cuối thế kỷ XIX. Trong đó có *đạo Lành*, sau này là *đạo Phật đàng*, đã vùng lên đấu tranh chống thực dân Pháp nhưng đã thất bại. Sau đó, những người của đạo đã tan rã và đi theo Hội kín Thiên Địa (Hội kín có nguồn gốc của người Hoa, có tính chất tương tế và chính trị, rất thịnh ở Nam Bộ thời điểm đó) và dần chuyển hướng hoạt động của Hội theo xu hướng yêu nước, từ “Phản Thanh, phục Minh” thành “Phản Pháp, phục Nam”¹⁸. Thực ra, giai đoạn từ 1863 đến cuối thế kỷ XIX đã có nhiều tín đồ của Minh Sư đạo ở vùng Nam Bộ thời đó, nên việc các tín đồ Minh Sư đạo đi theo kháng chiến giúp người, giúp đời, cứu nước không có gì lạ, bởi dòng máu Việt Nam luôn chảy trong họ, tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam luôn hào hùng khí phách, bên cạnh đó, các thủ lĩnh của Minh Sư đạo thời đó cũng có nhiều hỗ trợ cho đất nước (chữa bệnh, cứu người...) với ý nghĩa đất nước được tự do, độc lập thì tôn giáo cũng được tự do truyền đạo.

Cũng theo *Vô cực truyền tông chí*, Ngài Thái Lão sư Trần Đạo Minh qua Việt Nam lãnh đạo, gìn giữ và phát triển Minh Sư đạo một thời gian, sau đó trở về La Phù sơn (Hồng Kông). Tiếp đó, Thái Lão sư Vương Đạo Thâm thay mặt Ngài Trần Tây Lâm Tổ sư thứ 26 (Trần Đạo Minh¹⁹) điều hành mỗi đạo tại La Phù sơn và Việt Nam. Năm 1966, Ngài Vương Đạo Thâm đã thành lập *Giáo hội Cư sĩ Phật đàng Nam tông*, do ngài đứng tên Huỳnh Tài Đạo hiệu Vương Đạo Thâm là Đạo trưởng và được chính quyền Sài Gòn lúc đó công nhận tại Quang Nam Phật đàng (số 17 đường Trần Quang Khải, Quận 1). Ở đây, hằng năm vẫn lấy ngày giỗ Thái Lão sư Vương Đạo Thâm (30 tháng 4 âm lịch) làm ngày kỷ niệm²⁰.

Cũng trong Hiến chương cho biết²¹: Trước 1975, Minh Sư đạo phát triển được trên 50 Phật đàng, đến năm 1975 được gần 100 Phật đàng, gồm 3 tông phái:

Phái Đức Tế: Tổ đình tại Quang Nam Phật đàng, Thành phố Hồ Chí Minh;

Phái Phổ Tế: Tổ đình là Linh Quang tự ở huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;

Phái Hoằng Tế: Tổ đình là Long Hoa Phật đường ở Cai Lậy, Tiền Giang.

Từ năm 2008, ba phái Đức Tế, Phổ Tế, Hoằng Tế của Phật đường Nam tông hợp nhất tổ chức tôn giáo và được Chính phủ công nhận với tên gọi *Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo* theo *Công văn số 196/QĐ-TGCP ngày 01/10/2008 của Ban Tôn giáo Chính phủ*, đính kèm danh sách 18 tỉnh thành có Minh Sư đạo, trong đó Hà Nội có duy nhất 01 cơ sở là chùa Diệu Nam Phật đường tọa lạc tại số 60, Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tính cho đến nay, Minh Sư đạo đã trải qua 3 lần đại hội, trong nhiệm kỳ 2013-2018, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo đã mở các khóa bồi dưỡng chức sắc và trụ trì cho 147 vị tham dự, đã cao thăng giáo phẩm trong nhiệm kỳ qua cho 115 chức sắc, chức việc; quy y hộ đạo được 641 vị; ấn tống được nhiều kinh tụng, kinh truyện mang tính giáo dục, học tập. Đã trùng tu, xây dựng các Phật đường lên đến hơn 27 tỷ đồng²². Hiện nay, Minh Sư đạo có 52 Phật đường²³ hoạt động ở 18 tỉnh, thành phố (*Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tiền Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Bạc Liêu, Quảng Nam, Bến Tre, Kiên Giang, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An*) với gần 300 chức sắc, từ phẩm Thiên ân trở lên, trên 10.000 tu sĩ, tín đồ. Tổ đình của Minh Sư đạo đặt tại Quang Nam Phật đường²⁴, số 17 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh²⁵.

Sự truyền bá Minh Sư đạo ra Hà Nội có lẽ được tính từ những năm đầu của thế kỷ XX (trước năm 1930 là năm chùa Minh Nam²⁶ ở quận Đống Đa lập bia công đức, còn Diệu Nam đường lập bia năm 1931). Ngoài ra, ở Hà Nội trước đây cũng có một số chùa do các cô thái, tu sĩ đạo Minh Sư xây dựng, quản lý như: chùa Phúc Lâm²⁷ (Thanh Trì) và các vùng lân cận Hà Nội như Thái Bình...

Trong *minh chuông*²⁸ và *văn bia* tại Diệu Nam đường đều lập cùng năm (Hoàng triều Bảo Đại năm thứ 6 [1931]), văn bia có ghi năm Tân

Mùi, ngày tốt, tháng 10, mùa thu dựng bia, đề cập đến lịch sử xây dựng chùa cũng như các chức sắc của Minh Sư đạo trung ương đến Diệu Nam đường, văn bia có đề cập đến 5 cô và có nhắc đến Trình Đạo Lão sư công chứng lúc gây dựng chùa: *“Thường nghe, phúc lực dồi dào, điều thiện cùng đến, nhớ đến Viên Đình, khơi nguồn thụy khí. Nay có năm vị²⁹, tại Diệu Nam đường, ở xã Bạch Mai, đồng trình nhập đạo, tạo thành phúc quả, vun đắp nền linh (thiêng). Ngưỡng trông diệu đạo, toại nguyện chúng sinh, (cùng những người) lòng thành hộ đạo, phúc giúp thu về, quý danh (tên) đề lên, ở trên bia đá. Trình Đạo Lão sư, Bích Nam đường, tỉnh Bình Định hoan hỉ chứng minh... Bùi Ngọc Hà, giỗ ngày 27 tháng 3...”³⁰*. Như vậy, trong bia đá được ốp vào tường gian chính điện đã ghi rõ sự hình thành Diệu Nam Phật đường có sự chứng minh của Đại Lão sư Trình Đạo Thanh ở Bích Nam Phật đường, tỉnh Bình Định.

Cùng với các tư liệu về Diệu Nam Phật đường mà chúng tôi sưu tầm được là các cuộc phỏng vấn Cô Thiên ân tại Diệu Nam đường, theo đó³¹: Sau khi thành lập tổ chức Giáo hội, Đại Lão sư Trình Đạo Thanh trụ trì Bích Nam Phật đường ở tỉnh Bình Định được cơ báo đã ra Hà Nội truyền đạo cho Cụ Thái Bùi Ngọc Hà (trụ trì chùa Phúc Lâm, Nhân Hòa, Thanh Trì, Hà Nội). Từ đó, Cụ Thái tiếp độ đệ tử, hoằng dương đạo pháp, trở thành vị tổ đầu tiên hoằng khai Đại đạo ở khu vực Hà Nội và vì nữ phái (Khôn đạo) chỉ được truyền đạo cho đệ tử nữ nên đạo Minh Sư ở Hà Nội chỉ có phái nữ.

Trụ trì đầu tiên ở Diệu Nam đường là Cô Thái Nguyễn Thị An (Yên) (1893-1963) đã cùng Cô Thái Mai Thị Tất (1872-1964) và Cô Thái Nguyễn Thị Đoàn (1898-1983)... là những người khởi xướng xây dựng chùa Diệu Nam từ trước năm 1930 (vì bia và chuông của chùa dựng năm 1930). Với mục đích xây chùa làm công đức, tạo phúc cho đời sau, trước độ kỹ, sau độ nhân; với tâm nguyện gìn giữ, bảo tồn, duy trì dòng đạo, ngôi chùa vĩnh viễn giữ được nguồn gốc Minh Sư đạo. Các cô thái đã cống hiến cả cuộc đời và tài sản của mình vì đạo pháp và giao lại cho các đệ tử chân truyền từ đời này sang đời khác chăm lo việc thờ cúng Phật, Tổ với tâm nguyện Đại đạo Minh Sư vĩnh viễn được duy trì và phát triển. Đến năm 1957, các cô thái đã để lại

một bản “Chúc thư”³², trong đó nêu lên tâm nguyện của mình: “*Chúng tôi muốn rằng ngôi chùa ấy vĩnh viễn là nơi thờ cúng, không ai được bán đi hoặc đem cầm cố. Sau khi chúng tôi qua đời ngôi chùa ấy sẽ giao cho đệ tử của chúng tôi trông nom, gìn giữ, tu bổ chùa, chăm lo việc thờ cúng.... Sau này các đệ tử chúng tôi già yếu đi cũng sẽ chọn lấy 5 người đệ tử để giao lại quyền và công việc của chùa, vĩnh viễn để làm nơi thờ cúng....*”. Sau khi Cô Thái Nguyễn Thị An (Yên) liễu đạo năm 1963, Cô Thái Nguyễn Thị Đoàn tiếp tục trụ trì lo toan công việc chùa, duy trì đạo pháp. Đến năm 1983, Cô Thái Nguyễn Thị Đoàn liễu đạo và giao lại công việc chùa cho đệ tử là Cô Thái Trịnh Thị Lương. Năm 1996, Cô Thái Lương liễu đạo giao lại việc hành đạo cho các đệ tử trong đó có Bảo ân Phạm Thị Là. Từ đó đến nay, Bảo ân Phạm Thị Là vẫn y theo lời căn dặn của các vị tổ, thầy gìn giữ, phổ truyền tín ngưỡng, tôn giáo Đại đạo Minh Sư cho hàng nghìn tín đồ, Phật tử. Cô Thái Phạm Thị Là, pháp danh Phạm Ngọc Bảo - người đệ tử chân truyền của chư tổ ở chùa Diệu Nam Phật đường đã được Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo chính thức bổ nhiệm trụ trì Diệu Nam Phật đường theo “*Đạo Lệnh*” số 31/BTS-ĐL ngày 28/5/2009 và được Ban Tôn giáo Chính phủ công nhận phong phẩm chức sắc phẩm *Dẫn ân* theo *Công văn* số 1002/TGCP-CD ngày 05/10/2009 và phẩm *Bảo Ân* (phẩm bậc cao nhất dành cho phái nữ của Minh Sư đạo) theo *Công văn* số 837/TGCP-CD ngày 27/7/2017. Tại Đạo lệnh số 35/BTS-ĐL, ngày 07/11/2009 về việc thành lập Phật đường thì bà Phạm Thị Là là đệ tử duy nhất và chính thức của đời thứ 3 nối nghiệp danh chính các cô thái tại chùa Diệu Nam, số 60 phố Đại La, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hiện nay, chỉ còn lại chùa Diệu Nam với 90 năm lịch sử đang được gìn giữ và bảo tồn các giá trị của Minh Sư đạo. Diệu Nam Phật đường (chùa Diệu Nam) được các cô thái, tu sĩ Minh Sư đạo xây dựng năm 1930 trên nền đất 700m² do bố Cô Thái Nguyễn Thị An (Yên) cung tiến, mang đặc điểm kiến trúc, nghi thức thờ phụng riêng của Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo. Do thành phố Hà Nội mở rộng đường vành đai 2 đoạn từ Cầu Vĩnh Tuy - Ngã Tư Sở (cả dưới đất và trên cao), Diệu Nam đường nằm trong lộ trình mở đường trên cao, do vậy, đã bị giải tỏa hơn 500m², giờ chỉ còn lại gần 200m² để dựng tạm chùa³³ làm nơi thờ tự và tín đồ đến hành lễ.

2.2. Vài nét về Diệu Nam đường ở Hà Nội

Diệu Nam đường hay Diệu Nam Phật đường thuộc Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo nên chùa có những nét đặc trưng dễ nhận đối với Minh Sư đạo. Nhìn bên ngoài cũng nhận ra những nét khác biệt với chùa Phật giáo. Ví dụ, phía sau tên chùa có hai chữ “Phật đường” hoặc “đường”, trên cổng chùa thường đề 3 hay 4 chữ (Diệu Nam đường, Quang Nam đường, hay Nam Nhã Phật đường [Cần Thơ], Vạn Bửu Phật đường [Gò Công], Vạn Huệ Phật Đường [Vĩnh Long]...), không dùng chữ “tự” như các chùa Phật giáo. Trên đỉnh nóc tam bảo đặt bình hồ lô, tường hai bên trang trí hình bát quái đồ...

Từ cổng đi vào Phật đường qua hai cửa nhỏ hai bên, ở giữa chính là phần lồi ra của bửu điện (tam bảo). Vào trong Phật đường, nhìn qua tưởng là chùa Phật giáo, nhưng nếu để ý kỹ thì có sự khác biệt rõ ràng với chùa Phật giáo, đó là một đèn luôn sáng trong *vòng tròn vô cực linh quang* được treo ở hàng thứ năm của tam bảo (tính từ hàng trên cùng). Sự khác biệt giữa chùa Phật giáo và chùa Minh Sư đạo còn được thể hiện ở ban thờ Thiên Địa (Hộ pháp Long thần) và ban thờ Thổ thần (ở dưới tam bảo). Ngoài các ban chính, hiện nay chùa còn đưa một số ban mới vào (do tín đồ cúng tiến) thờ các vị có công với nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, v.v... Phía sau Phật đường là một ban thờ Mẫu (Mẫu Ngũ hành) – nơi đây thường xuyên được các cô lễ xin các vấn đề mà tín đồ hay người dân đến cầu. Ban thờ Mẫu được bài trí các tượng mẫu ngũ hành và có vòng tròn vô cực linh quang treo ở giữa ban thờ, tiếp sau đó là khoảng sân.

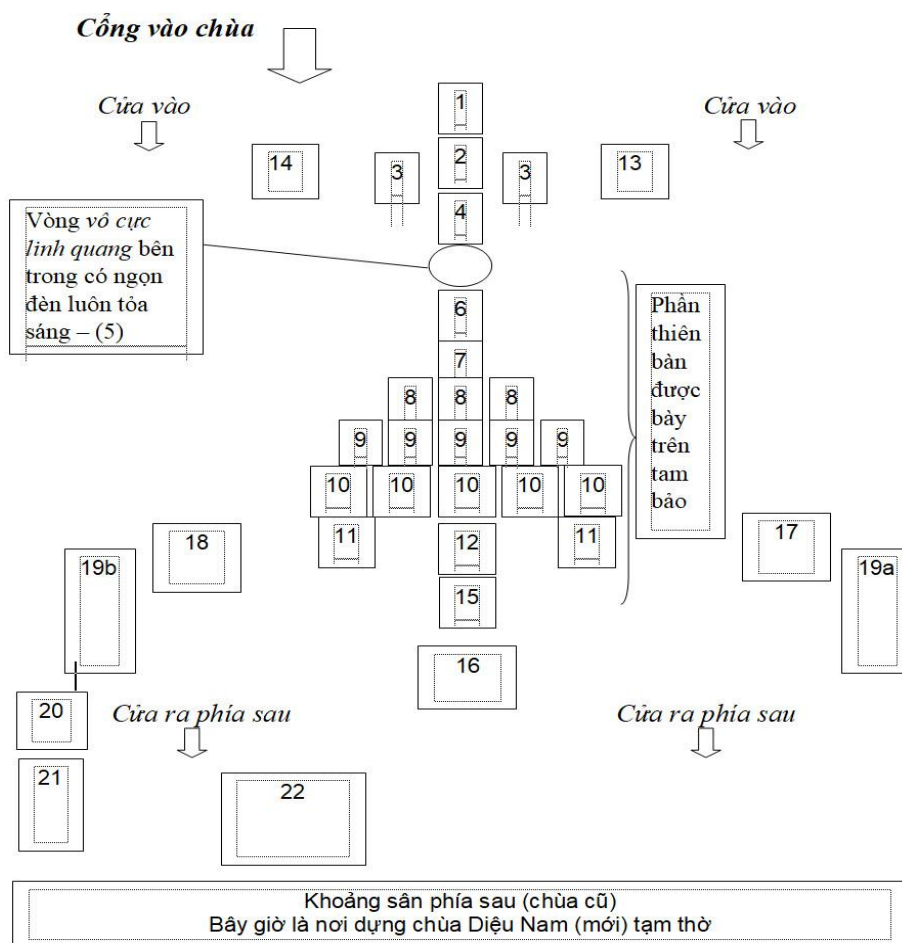
Chính điện được bài trí tuân thủ theo nghi thức thờ phụng của Minh Sư đạo: Tại chính điện, thờ chư Phật như Phật Diệu Trì Kim Mẫu (được biến tấu từ tượng Phật Mẫu Chuẩn Đề), Phật Di Lạc, Tòa Cửu Long (Phật Thích Ca Mâu Ni), Quan Âm Bồ Tát,... và có thể thờ một số vị như Thái Thượng Lão Quân, Quan Thánh Đế Quân, Nhạc Phi Bồ Tát, Thuần Dương Lữ Tổ - Lữ Động Tân... (xin xem sơ đồ bài trí phía dưới).

Tam bảo được sắp xếp như sau: Trên cao nhất là Đức Diệu Trì Kim Mẫu (được biến tấu từ Quan âm Chuẩn Đề) (1), tiếp đến hàng

dưới, thẳng ngay Đức Chuẩn Đề là Đức Phật Di Lặc (2) và đứng hai bên là Kim Đồng, Ngọc Nữ (3). Hàng thứ 3, ngay dưới Đức Phật Di Lặc là tòa Cửu Long (4). Tính từ tòa Cửu Long xuống phía dưới là thiên bàn (bàn thờ trời). Thiên bàn thờ Đức Ngọc Hoàng Thượng đế; tính từ trung tâm với vòng vô cực linh quang có đèn ở giữa lúc nào cũng có lửa sáng (biểu tượng của Đức Vô cực Diêu Trì Kim Mẫu) (5). Ngay dưới vòng vô cực (treo) là lư hương (6) và bình tịnh thủy (khi cúng mở nắp) (7), kế hàng dưới là hai chén nước (nước trắng và nước trà) tượng trưng cho âm dương, ở giữa là một mâm bông (khi cúng để bát cơm trắng hay xôi) (8), tiếp đến là hàng mâm bông ngũ quả (theo ngũ hành³⁴) (9), dưới ngũ quả là ngũ trai (theo ngũ hành) (10) và cặp đèn lưỡng nghi (11), cuối cùng là lư trầm ở giữa và hai bên là hai cây chân đế nền (12). Trên có lư hương coi là tiên thiên (cần vi thiên), dưới có lư trầm coi là hậu thiên (khôn vi địa). Phía tả của ban tam bảo là tượng Nhạc Phi Bồ Tát (tay bắt ấn) (13), phía hữu là tượng Trần Hưng Đạo (14). Ngay dưới thiên bàn là ban thờ Thổ thần (đây là đặc điểm riêng của Minh Sư đạo) (15). Đối diện với tam bảo là ban thờ Hộ pháp Long thần (16). Hai bên là hai ban thờ, nhìn từ trong ra, bên hữu là ban Lịch Đại Tổ sư (18), bên tả là ban Thuần Dương Lã Tổ (Lã Động Tân)³⁵ (17). Hai ban thờ chư vị Tiên sư tu đạo (19a) và Địa Tạng Bồ Tát (19b) độ chư linh bách tính đặt đối diện nhau ở khoảng giữa của chính điện, và ngay phía sau hai ban thờ này cũng chính là hai tấm bia được ốp vào tường của chùa. Và cuối cùng là ban Đức Thánh Trần (20).

Đi ra phía sau Phật đường là gian hiên của Phật đường được các cô trong Diệu Nam đường đặt một ban thờ Mẫu (Mẫu Vô cực, Mẫu Diêu Trì) phía tay phải của cửa ra phía sau (22). Ngay cửa ra phía sau (tay phải từ trong Phật đường nhìn ra) đặt ban thờ các vị bồ tát, các danh nhân có công với đất nước (21).

Xin xem sơ đồ và cách bài trí tam bảo dưới đây:



(Nguyễn Thị Quế Hương lập)

Tín đồ ở Diệu Nam đường thường là những người ở độ tuổi trung niên, cũng có thanh niên nhưng số lượng không nhiều. Trước kia Minh Sư đạo có duy trì việc “cầu cơ” để hiệp thông với các đấng thiêng liêng, hiện nay việc cầu cơ không còn, tuy nhiên, thay vào đó là việc thực hành một lễ nghi rất quan trọng (xin Đức Mẫu) trước khi trong chùa có bất cứ một sự việc nào, các tín đồ đến chùa cũng được các cô xin giúp cho. Ngoài ra, ở Diệu Nam đường có phục vụ nhu cầu của tín đồ về các lễ cầu siêu, cầu xin các công việc, sức khỏe khi tín đồ có nhu cầu: xin thuốc, xem ngày hiếu, hỉ, trùng tang,... nên vào những ngày lễ sóc, vọng, ngày Mậu, số lượng tín đồ đến chùa rất

đồng, khoảng chừng trên 200 tín đồ. Còn những ngày lễ vía chính có đến gần 800 tín đồ³⁶.

3. Thực hành thuần túy tôn giáo và thực hành hướng đến xã hội

3.1. Thực hành thuần túy tôn giáo

Để thực hành các nghi lễ tôn giáo, các tín đồ của Minh Sư đạo phải có niềm tin tôn giáo. Niềm tin tôn giáo có thể được thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau, tuy nhiên thường được thể hiện rõ nhất ở tư tưởng, thực hành lễ nghi tôn giáo. Vì thế, trong phần này, chúng tôi lựa chọn trình bày một cách tổng quát về giáo lý, giáo luật, kinh sách của Minh Sư đạo.

Minh Sư đạo là tôn giáo thờ Phật, tu Tiên với giáo lý là sự hội tụ của tam giáo, để từ đó tu hành, tự độ, độ tha theo lập trường thuần túy tu hành. Mục đích mà Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo hướng đến là sự hòa hợp với các tôn giáo để hộ trì hoàng dương đạo pháp, nhằm giáo hóa chúng sinh hướng thiện, tu chân giải thoát.

Minh Sư đạo tự nhận mình được truyền thừa theo Thiên tông, nhận y bát chân truyền từ Lục tổ Huệ Năng và Ngũ tổ Hoàng Nhẫn Đại Mãn, “cho nên tu làm Tiên làm Phật thì trọn nương y bát, khẩu khuyết đặng mà hồi quang phản chiếu, minh tâm kiến tánh, đạo pháp ba ngàn sáu trăm cửa mà người đều chấp nhứt cặng miêu, chỉ có một chức khiếu huyền quang, ấy là chánh đạo”³⁷. Và theo đó, sự giải thích của Minh Sư đạo về khiếu huyền quang theo tam giáo như sau: Nho giáo gọi là tồn tâm dưỡng tính, vô ý vô tất, vô cố, vô ngã dẫn đến vô vi. Phật giáo gọi là minh tâm kiến tính, là không thân, không tâm, không tính, không pháp, lấy chứng vô ngã, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng, rồi mới chứng cội Phật vô sinh. Đạo giáo gọi là tu tâm luyện tính, luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hườn hư, luyện cho đến hư hư vô vô, tức *ngôi vô cực* mà Nho giáo gọi là ngôi Linh đài, Phật giáo gọi là Pháp Linh sơn và Đạo giáo gọi là Kiếu Linh quang³⁸.

Theo *Vô cực truyền tâm chí* và lời kể của Cô Thiên ân³⁹, giáo lý của Minh Sư đạo là giáo lý cứu thế. Trong Minh Sư đạo, thời gian được chia thành ba kỳ tức tam nguyên (ngươn): Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Mỗi nguyên có 12 hội, mỗi hội có thời

gian là 10.800 năm. Thượng nguyên là thời kỳ *Đức Vô cực Diêu Trì Kim Mẫu* (bà mẹ cõi Tây phương⁴⁰ hay Địa Mẫu) bắt đầu tạo lập, sinh hóa ra trời đất, nhật nguyệt, tinh tú, vạn vật và con người. Lúc bấy giờ, Đức Mẫu đưa 96 ức nguyên nhân (linh căn – linh hồn con người) xuống cõi hồng trần và ban cho mỗi linh căn một cái túi *vạn bửu nan* đựng tám món báu là *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si*, rồi dặn rằng các con xuống sinh ở hồng trần thường đem theo tám món báu này, đừng để thất lạc, như giữ đủ trở về thời Mẫu cho đăng ngôi tòa sen, nếu không giữ đủ thì khó trở về và phải chịu luân hồi đau khổ. Đến nay, đã trải qua thời kỳ Thượng nguyên, Trung nguyên và sắp hết đời Hạ nguyên mà mới chỉ có 4 ức linh căn đắc thành Phật thành Tiên trở về với Mẫu, còn 92 ức linh căn còn đang trầm luân trong biển khổ. Đời mạt kiếp sắp tới, kỳ thứ nhất Đức Mẫu phái Đức Nhiên Đăng Cổ Phật xuống đời độ về 2 ức linh căn (cách đây khoảng hơn 4700 năm), kỳ thứ hai Đức Thích Ca cũng độ được 2 ức linh căn, Tam kỳ là lúc Bồ Tát Di Lặc xuống trần lập Hội Long Hoa tế độ tất cả linh căn. Chúng ta là những nguyên nhân từ Linh Sơn xuống Đông độ, bị ảnh hưởng của các thứ âm dương, ngũ hành, tứ tượng, bát quái... tam bửu biến ra tam độc, lục thức biến hóa lục trần. Đã muôn ức kiếp sinh rồi tử, tử rồi sinh, từ chỗ máu huyết sinh ra, tự dục tình sinh hóa nên mê man trong biển dục, đâu nhớ chân thân là gì, tới nổi lớp xương đã cao bằng núi mà vẫn chưa thoát khỏi luân hồi. Ở cõi Đông độ chúng ta chỉ như hạt bụi, có kể gì, trước mắt chúng ta núi cao còn lở, biển sâu còn sụp, hướng chi là cửa nhà sự nghiệp, gia đình ân ái, chỉ như bọt nước phút đó phút tan⁴¹.

Như vậy, con người được ơn trên ban trí huệ, nếu biết thức tỉnh cầu đạo tu hành, coi rõ được đường mê nẻo giác, nhất là phải vững lòng theo đường giải thoát “tu tánh liễu mạng”, mai sau được trở về nơi quê xưa cảnh cũ chốn Linh Sơn, sẽ được gặp lại bà mẹ sinh ra mình đầu tiên chính là đức Vô cực Diêu Trì Phật Mẫu, được Mẫu chuẩn phê công quả thành Phật, thành Tiên... Đó là niềm tin mà tín đồ Minh Sư đạo tin theo.

Song song cùng với giáo lý, đó là giáo luật với các quy định như: Tu sĩ Minh Sư đạo phải ăn chay trường, trau dồi đạo hạnh, tu học theo kinh bản và quy điều tương ứng với sự thăng tiến đạo phẩm; hành trì

nghiêm túc giới luật Phật giáo (250 giới đối với nam tu sĩ, 348 giới đối với nữ tu sĩ); tuân theo Tứ đại điều quy (ôn hòa, cung kính, khiêm tốn, nhường nhịn), Thập lục điều quy (từ bi, bác ái, nhẫn nhục, khiêm nhu, hòa nhã, trung dung, cần kiệm, tri túc, minh chính, vô vi). Tín đồ Minh Sư đạo có thể ăn chay kỳ, giữ tám đức (hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si), tam cương (vua - tôi, cha - con, chồng - vợ), ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), tam quy (quy y Phật/quay về nương tựa vào Phật giáo, quy y Nho/quay về nương tựa vào Nho giáo, quy y Đạo/quay về nương tựa vào Đạo giáo), ngũ giới (không sát sinh, không trộm cướp, không uống rượu, không tà dâm, không nói dối)⁴².

Kinh sách của Minh Sư đạo gồm có: Kinh Di Đà, Kinh Hồng danh, Kinh Phổ môn, kinh Địa tạng, kinh Thiện môn nhật dụng, Ngọc Hoàng kinh, Địa Mẫu chân kinh, Minh Thánh kinh, Thanh Tịnh kinh, Khổng Tử tâm kinh, Ba La Mật kinh, Cảm Ứng Thiên kinh, Liên Hoa Bửu sám kinh, Kinh Cứu khổ, kinh Thiên ngưon, kinh Bắc Đẩu⁴³.

Đạo phục khi hành lễ của Minh Sư đạo là áo dài màu đen, quần trắng, chít khăn đóng hoặc mũ màu đen, mang hài màu đen.

Theo Hiến chương của Minh Sư đạo, các tín đồ phải hành lễ như sau⁴⁴: Hằng ngày tại các Phật đường thường cúng tứ thời: 6h sáng, 11h trưa, 18h chiều và 23h khuya. Hằng tháng có ngày sóc, vọng. Hằng năm có 15 ngày lễ theo âm lịch, cụ thể:

1. Mừng 1 tháng Giêng vía Đức Thiên ngưon (Đức Di Lạc)
2. Mừng 9 tháng Giêng vía Ngọc Hoàng Thượng đế.
3. Mừng 10 tháng Giêng giỗ Tổ Lão sư Trần Đạo Minh.
4. Ngày 15 tháng Giêng lễ Thượng nguyên
5. Ngày 19 tháng Hai vía Phật Quan Âm
6. Ngày 8 tháng Tư lễ Phật đản
7. Ngày 30 tháng Tư giỗ Tổ sư Vương Đạo Thâm (Giỗ Tông phái)
8. Ngày 15 tháng Bảy lễ Trung nguyên
9. Ngày 30 tháng Bảy vía Địa Tạng vương Bồ tát
10. Ngày 9 tháng Chín vía Ngọc Hoàng Thượng đế

11. Ngày 5 tháng Mười vía Đức Đạt Ma Tổ sư
12. Ngày 15 tháng Mười lễ Hạ ngươn
13. Ngày 4/11 (dương lịch) vía Đức Chí Thánh Tiên sư Khổng Tử
14. Ngày 24 tháng Mười một lễ Thành Đạo Đức Đông Sơ Tổ sư
15. Ngày 24 tháng Mười hai vía Đức Chư thiên (ông Táo)

Tuy nhiên, ở Diệu Nam đường lại cúng thêm ba ngày Mậu trong tháng (theo thập Thiên Can trong Kinh dịch thì cứ 10 ngày là có 1 ngày Mậu), phỏng vấn các cô, cô thái về việc tại sao cúng ngày Mậu thì được biết⁴⁵: Theo quan niệm của Minh Sư đạo là Mậu ứng với Mậu Kỷ Thổ⁴⁶, do vậy Mậu ứng với Thổ (đất) là trung ương trong ngũ hành, mà trong *Thiên bản* của Minh Sư đạo có sắp xếp (xin xem sơ đồ và cách bài trí tam bảo), trong những ngày Mậu, các chức sắc, tín đồ ở Diệu Nam đường đều tụng Địa Mẫu chân kinh là chính, bởi vì đây là kinh giáng cơ của Địa Mẫu. Do vậy, bất kỳ ai khi mới bước vào con đường tu hạnh thì phải trì kinh Địa Mẫu, vì Mẫu Vô cực là Mẫu Diêu Trì và là đối tượng thờ chính của Minh Sư đạo⁴⁷. Cũng trong mạch nghiên cứu, tác giả Lê Anh Dũng đã phân tích⁴⁸: Theo ngũ hành, phương Tây thuộc hành Kim. Có lẽ vì thế nên, Tây Vương Mẫu cũng là Kim Mẫu hay Tây Lão, và theo Đạo giáo Trung Quốc, cung điện của Kim Mẫu (Tây Vương Mẫu) nằm trên núi Côn Lôn, bên trái cung của Mẫu là một ao làm bằng loại ngọc tên là Diêu (Dao). Ao này gọi là Diêu Trì, nên cung điện của Mẫu gọi là Diêu Trì Cung (Diêu Trì Kim Mẫu).

Các tín đồ ở Diệu Nam đường thường đến chùa vào ngày 14, 15 và ngày 29, 30 cùng với 3 ngày Mậu trong tháng (khoảng 7 ngày/tháng) để dâng lễ, tụng kinh. Theo quan sát của chúng tôi, vào 7 ngày lễ chính trong tháng thì đông hơn các ngày thường khoảng 30-50 người/ngày, thời điểm tụng kinh là thời điểm đông nhất (thời gian từ 11h30 đến 13h30 có gần 20 tín đồ), còn lại vào giờ Mão, Dậu thì ít hơn vì tín đồ có những người còn đi làm ăn, buôn bán, do đó họ căn cứ thời gian của mình để đến lễ Mẫu. Người đến lễ Mẫu đầy đủ các thành phần, nam, nữ, trẻ, già, thuộc các ngành nghề khác nhau, đa số là cán bộ hưu trí và người già.

Trong tứ thời, nếu không có điều kiện thì có thể chỉ cúng vào giờ Ngọ là chính. Còn đối với các chức sắc thì giờ Tý là chính. Các lễ hội hoặc đàn cúng, các kỳ cúng sớ vía, lễ hội, các vị chức sắc cho đến trụ trì đều thực hiện nghi thức biệt truyền, không rườm rà về hình thức, nhưng vẫn giữ được sự trang nghiêm thanh tịnh, đã gây được chú ý cùng nhận thức tốt đẹp của tín đồ cùng người dân tham dự. Ngoài ra các vị chức sắc, trụ trì cũng thực hiện những lễ cúng cầu an, cầu siêu, thất, cửu, tiểu tường, đại tường cho bản đạo khi có sự yêu cầu cúng tại gia. Tại gia của tín đồ Minh Sư đạo có bàn thờ Phật - Mẫu riêng và hành lễ như tại Phật đường.

Lễ phẩm tuyệt đối dùng đồ chay, hương đăng hoa quả phẩm, com, nước, nghiêm cấm dùng rượu, các sản phẩm có nguồn gốc động vật, không dùng ngũ vị như: hành, hẹ, tỏi, kiệu,... Đồ thờ cúng sắp xếp theo trật tự *tiên thiên* (trước khi sinh trời đất), và *hậu thiên* (sau khi đã sinh trời đất). Vị trí đồ lễ đặt theo Dịch lý mô phỏng quá trình sinh hóa, hóa sinh của trời đất, từ khi hình thành: Vô cực sinh Thái cực, Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái, Bát quái sinh vạn vật... Văn số dùng trong Minh Sư đạo được lấy từ thời vua Huỳnh Đế, cách hiện nay (năm 2021) là 4718 năm. Vị cao nhất được tôn thờ là Điều Trì Kim Mẫu nên trong văn số của Diệu Nam đường có ghi: “*kim hữu nam nhi, nữ nhi... quỳ tại Điều trì Kim mẫu Vô cực Thiên tôn, Thiên Địa Lão gia, Ngọc Hoàng Thượng đế, Linh Sơn Tam thế Phật, Côn Lôn Tứ thiên tôn, Tiên thiên Ngũ Lão Thượng đế, Chí Thánh Tiên sư Khổng Tử...*”.

Theo Điều 50 trong Hiến chương⁴⁹, cấp tu Minh Sư đạo có 3 bậc như sau:

Bên phái nam có 9 bậc tu, từ cao xuống. Bên phái nữ có 7 bậc từ thấp lên, đạo danh được ban từ đầu không đổi. Phẩm cao nhất có chữ *thái*, nhưng pháp tu chỉ có bậc Bảo ân như ở phái nam.

- Bạc Thượng thừa gồm: Thái Lão sư (Tổ sư); Thập Địa Lão sư (Đại Trưởng lão); Bồ Thiệt Lão sư (Đại Lão sư) và Đảnh Hàng Lão sư (Trưởng lão).

- Bạc Trung thừa gồm 4 bậc: Thiên ân, Chứng ân (chữ Minh), Dẫn ân (chữ Xương), Bảo ân (chữ Vĩnh). Phái nữ chỉ cần tu đến bậc Trung thừa.

- Bậc Hạ thừa gồm 5 bậc từ cao xuống thấp: Tam bộ, Nhị bộ, Nhất bộ, Sám hối (ăn chay trường và giữ giới đạo), Quy y hộ đạo (ăn chay kỳ).

Các tu sĩ đạo Minh Sư vẫn để tóc (không phải cạo đầu), nhưng phải giữ trường chay, tiết dục, nghiêm cấm dùng rượu, ngũ tân (hành, hẹ, tỏi, kiệu) và các sản phẩm có nguồn gốc động vật; giữ giới luật theo Tứ đại điều qui, Thập lục điều qui... Tu sĩ tu đạo Minh Sư khi đã vào nhập đạo phải lập lời thệ nguyện, phải tuân thủ, giữ gìn đúng theo giáo lý, giáo luật của Đạo, không được phá giới, không được nhị tâm, không được làm những việc gây ảnh hưởng xấu tới đạo pháp.

Hiện tại, ở Diệu Nam đường có 1 vị trụ trì là Bảo ân và 2 vị Thiên ân trợ giúp Trụ trì trong việc đạo, hướng dẫn tín đồ, bà con tới thực hành lễ nghi tôn giáo. Do mâu thuẫn giữa hai vị tiền bối trụ trì chùa và có sự tranh chấp đất đai từ những năm 1990⁵⁰, nên Diệu Nam đường vẫn chưa tổ chức được Đại hội cơ sở kể từ khi có tên trong danh sách cơ sở được công nhận của Minh Sư đạo năm 2008.

3.2. Thực hành hướng đến xã hội

Trong Hiến chương của Minh Sư đạo có qui định nhiệm vụ của Ban Từ thiện của Trung ương đạo như sau⁵¹: Có nhiệm vụ lập dưỡng đường, phòng chẩn trị y học, khu nghỉ địa, sửa sang mồ mả, tháp, dựng mộ bia các chức sắc có công với Giáo hội; Thành lập Ban Từ thiện từ Giáo hội đến Phật đường cơ sở; Thăm viếng, an ủi, nâng đỡ tinh thần các chức sắc, tu sỹ, tín đồ cao tuổi không thể hành đạo; Tổ chức việc quyên góp, giúp đỡ những người bệnh tật, tai nạn, khôn khổ, nghèo đói trong đạo và ngoài đời, đồng bào bị thiên tai hạn hán, lũ lụt và vận động bản đạo tham gia các hoạt động từ thiện xã hội; Xây dựng tình thương yêu, đoàn kết trong chức sắc, tu sỹ, tín đồ thực hiện các hoạt động phước thiện trong toàn đạo.

Như vậy, các hoạt động hướng đến xã hội của Minh Sư đạo nói chung và ở Diệu Nam đường nói riêng không chỉ là trợ giúp về vật chất đối với tất cả mọi người, không phân biệt có tôn giáo hay không, mà còn quan tâm đến tinh thần, tâm tư tình cảm của đồng đạo. Điều đó sẽ khích lệ được những chức sắc, tín đồ giữ vững niềm tin tôn giáo bền chặt, củng cố niềm tin của tín đồ với các chức sắc của tôn giáo và giúp họ vượt qua những khó khăn của cuộc sống hiện tại.

Với tôn chỉ hiệp nhất tinh hoa của ba nền tôn giáo Nho-Phật-Đạo để tìm lại cội gốc của đạo (quy nguyên tam giáo), từ đó tu hành, tự độ, tự tha để đạt tới mục đích hòa hợp và hoàng dương đạo pháp nhằm giáo hóa chúng sinh, hồi đầu hướng thiện, tu chân giải thoát. Do vậy, trong hoạt động tôn giáo của Minh Sư đạo, hoạt động hướng đến xã hội đã được chú trọng, tu sĩ và tín đồ của Minh Sư đạo nói chung và ở Diệu Nam đường nói riêng luôn tích cực hưởng ứng các phong trào của các cấp chính quyền địa phương phát động, của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như Hội Chữ thập đỏ phát động. Bên cạnh đó, việc quyên góp từ thiện luôn được các cô, cô thái ở Diệu Nam đường chủ động hỗ trợ những nơi đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, nghèo đói như thiên tai, lũ lụt, đói nghèo... hoặc hỗ trợ cúng dường cho việc xây dựng Phật đường. Bình quân mỗi năm tại Diệu Nam đường quyên góp ủng hộ được khoảng 20 triệu đồng cho từ thiện của chùa và đóng góp với địa phương, đồng thời cứ đến tết thì phát khoảng 2 tạ gạo, riêng năm 2020, vừa quyên góp từ thiện và vừa quyên góp công đức xây dựng, sửa chữa chùa lên đến 45 triệu⁵².

Hiện nay, Minh Sư đạo đã trải qua 3 lần Đại hội, trong nhiệm kỳ 1 (2008-2013), các Phật đường của Minh Sư đạo đã tham gia công tác từ thiện lên đến 1.089.183.000đ. Các Phật đường cũng đã thành lập được Tổ Y tế Tuệ Tĩnh đường và bốc thuốc Nam (thuộc Hòa Nam Phật đường) miễn phí cho 8.447 lượt người, châm cứu cho 4.051 lượt người và trao 23.448 thang thuốc cho bệnh nhân với trọng lượng 5.862 kg thuốc. Thiên Huê Phật đường tổ chức cung cấp cơm từ thiện cho bệnh nhân ở viện Châu Thành, Tiền Giang mỗi tháng 2 kỳ, mỗi kỳ 200 suất ăn⁵³. Trong nhiệm kỳ 2 (2013-2018), Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo đã thực hiện công tác từ thiện xã hội trong các hoạt động: thường xuyên cứu trợ thiên tai bão lũ, xóa đói giảm nghèo, ngày vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, nấu cơm từ thiện. Ngoài ra, chùa Hòa Nam thuộc Thành phố Đà Nẵng đã thành lập Tổ Y tế Tuệ Tĩnh đường để bốc thuốc, châm cứu miễn phí cho người dân vùng Nam dược; khám chữa bệnh cho 3.500 lượt người, châm cứu 2.830 lượt, cấp thuốc miễn phí 20.850 thang (tương đương 450.000.000đ [bốn trăm năm mươi triệu đồng]). Như vậy, trong nhiệm kỳ qua, toàn Giáo hội đã chung tay từ thiện tổng số tiền là

5.911.943.000đ (năm tỷ, chín trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng)⁵⁴.

Một trong những hoạt động hướng đến xã hội mà Diệu Nam đường thực hành đó là đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận tín đồ và người dân trong việc xin thuốc chữa bệnh. Mặc dù không thực hiện được việc bốc thuốc, trao thuốc miễn phí cho tín đồ như các Phật đường khác, nhưng ở Diệu Nam đường có một hoạt động lễ nghi xin thuốc của Thánh Mẫu (Mẫu Vô cực-Diêu Trì Kim Mẫu) mà truyền thống của Phật đường đã thực hiện từ thời sư Tổ của chùa (1930) cho đến nay. Tín đồ đến đặt lễ chay (tùy tâm) trên ban Mẫu Ngũ hành để Cô Thái xin thuốc (gieo âm dương và rút thẻ). Sau khi rút được bao nhiêu thẻ sẽ tương ứng với số bài thuốc⁵⁵ trong *sách y cổ truyền* và Cô Thái kê tên các loại thuốc, sau đó đến cửa hàng Đông y quen hay bất cứ hàng thuốc Đông y nào để bốc thuốc, mang về nấu thuốc uống. Theo lời kể của chủ cửa hàng Đông y ở chợ Mơ (hoặc hiệu thuốc Hồng Bàng, Đông y gia truyền, số 425A, phố Bạch Mai) khi chúng tôi phỏng vấn nhanh, rằng: “*Đức Mẫu cho tôi ăn lộc và Đức Mẫu mách tôi cần cứu trợ giúp đỡ người nên tôi bốc thuốc cho chùa (Diệu Nam đường) sẽ từ tâm là chính. Từ lâu rồi, rất đông người đến bốc thuốc ở đây và nhiều người đã khỏi bệnh*” (PVS, nữ, kinh doanh, 55 tuổi, Hà Nội)⁵⁶. Liên quan đến việc xin thuốc ở Diệu Nam đường, khi chúng tôi phỏng vấn một nữ bác sĩ đã nghỉ hưu: “*mình mắc bệnh nan y và được một người quen giới thiệu đã đến Phật đường này xin thuốc và đã khỏi bệnh*” (PVS, nữ tín đồ, 65 tuổi, cán bộ nghỉ hưu, Hà Nội). Cũng một tín đồ 60 tuổi đã kể về trường hợp của gia đình: “*Gia đình chị đã đưa con gái và con rể đến đây xin Mẫu về đường con cái và sau khi uống thuốc Mẫu cho đã sinh được con, nên gia đình chị rất tín*” (PVS, nữ tín đồ, 60 tuổi, cán bộ nghỉ hưu, Hà Nội)⁵⁷. Và còn nhiều trường hợp như trên, trong đó có cả cán bộ đương nhiệm đã đến Diệu Nam đường. Qua quan sát của chúng tôi sau nhiều lần trở lại Diệu Nam đường thấy số tín đồ đến xin thuốc Mẫu ngày một đông, đặc biệt có một trường hợp (anh C, hơn 50 tuổi, Hà Nội) bị ung thư phổi đã bỏ điều trị ở bệnh viện để về uống thuốc do Mẫu ban và đến nay (khi tôi gặp lại, sau hơn 6 tháng từ tháng 6/2020-2/2021) anh vẫn khỏe mạnh. Hiện nay, anh C đến chùa hằng ngày tụng kinh, giúp các

việc cho nhà chùa, anh cho biết: “... từ khi uống thuốc của Mẫu đến nay bệnh tình của tôi đã thuyên giảm, tôi đi xét nghiệm thì chỉ số ung thư đã giảm nhiều... tuy nhiên, ngoài uống thuốc phải ăn chay trường thì cần phải tụng kinh hằng ngày” (PVS, nam, Hà Nội). Chia sẻ của tín đồ đã toát lên niềm tin vào đạo, tin vào thuốc Mẫu ban, đem lại cho những người mắc bệnh sự tự tin khỏi bệnh (tinh thần vững chiến thắng bệnh tật 50%). Bên cạnh việc lễ xin thuốc, tín đồ của Minh Sư còn xin các việc khác liên quan trực tiếp đến đời sống của họ như xin công việc, xin làm ăn, học hành, đặc biệt là chữa tà ma (vong nhập) hay oan gia trái chủ, v.v... và theo lời các tín đồ ở Diệu Nam đường (khi chúng tôi phỏng vấn nhóm), thì đều linh nghiệm.

Cũng như các tôn giáo khác, ngoài các hoạt động từ thiện xã hội nói chung, Minh Sư đạo còn chú ý đến các hoạt động bảo vệ môi trường. Đây là việc làm cụ thể trong đời sống của nhân loại, không của riêng ai, mỗi chúng ta luôn phải ý thức việc bảo vệ môi trường, cũng là tự bảo vệ chính bản thân và môi sinh của chúng ta. Đó là việc làm thiết thực, mang lại ích lợi cho các thế hệ tương lai trên toàn cầu, nên việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu luôn được các tôn giáo quan tâm, trong đó có Minh Sư đạo. Quan điểm của Minh Sư đạo được bày tỏ như sau: “Việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm hàng đầu mà nhân loại chúng ta đang đối mặt và đặc biệt quan tâm. Chúng ta phải có những giải pháp cấp bách như: cải thiện môi trường, sống hợp vệ sinh, giữ cho môi trường sống luôn xanh - sạch - đẹp, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, phủ xanh rừng ngập mặn... từ góc độ của cá nhân, cộng đồng, quốc gia và toàn thế giới”⁵⁸. Cùng với tinh thần đó, chức sắc tại Diệu Nam đường đã hưởng ước việc bảo vệ môi trường thông qua Hội nghị *Tuyên truyền về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu*, do Ban Thường trực Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội triển khai và tổ chức tại cơ sở tôn giáo Minh Sư đạo - Diệu Nam đường. Bên cạnh việc tuyên truyền, vận động các chức sắc, tín đồ thực hiện bình đẳng trước pháp luật, đấu tranh với những quan điểm, luận điệu sai trái, các hành vi lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật, Hội nghị cũng dành thời gian thảo luận việc bảo vệ môi trường, thông tin về tình hình ô

nhiệm môi trường, biến đổi khí hậu trên toàn thế giới và ở Việt Nam. Qua đó, tín đồ tại Diệ Nam đường cũng hiểu việc chung tay của tất cả mọi người, không phân biệt vùng miền, tuổi tác hay tôn giáo trong việc bảo vệ môi trường là cần thiết, hướng đến cuộc sống tốt đẹp hơn, an toàn hơn⁵⁹.

Một vài kết luận

Thứ nhất, Minh Sư đạo có nguồn gốc từ Trung Quốc và truyền vào Việt Nam từ thời kì nhà Nguyễn (1802-1945) vào khoảng năm 1811 (Tân Mùi). Ban đầu Minh Sư đạo gây dựng và phát triển ở vùng Nam Bộ, sau đến khoảng năm 1930 thì truyền ra Hà Nội. Như lời nhận xét của tác giả Đỗ Quang Hưng khi ông nghiên cứu về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo Thăng Long-Hà Nội: “Đặc điểm tâm thức tôn giáo của người Hà Nội là mềm dẻo, khả năng tiếp nhận khá cao trước các hình thái tôn giáo tín ngưỡng mới, trong thực hành tín ngưỡng tôn giáo thường nghiêng về các hình thái tín ngưỡng tôn giáo cổ truyền, nghiêng về lối “tôn giáo thực hành bình dân” hơn là những hình thức tôn giáo có thể chế với những giáo lý, giáo luật chặt chẽ”⁶⁰. Quả đúng như vậy, tư tưởng của Minh Sư đạo dựa trên cơ sở “quy nguyên tam giáo”, là điểm tựa và những giáo lý đã gần gũi, thấm sâu trong tâm thức người Việt, nên Minh Sư đạo mới thu hút sự chú ý của người dân Hà thành. Bên cạnh đó, Minh Sư đạo luôn đề cao chuẩn mực đạo đức, lấy đạo đức Nho giáo làm căn bản: “tam cương” (ba quan hệ chủ chốt trong xã hội: vua - tôi, cha - con, chồng - vợ), “ngũ thường” (năm đức tính thường hằng của con người: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), “tam tông” (bốn phận của người phụ nữ trong gia đình: tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử), “tứ đức” (bốn tiêu chuẩn đạo đức của nữ giới: công, dung, ngôn, hạnh).

Về giáo lý, Minh Sư đạo và đạo Cao Đài có những điểm tương đồng. Minh Sư đạo có cách giải thích cách tạo lập vũ trụ theo Dịch lý rằng: Vô cực sinh Thái cực, Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Ngũ hành, Ngũ hành cấu tạo nên vạn vật. Bên Cao Đài cho rằng: Khí Hư vô sinh ra Thái cực (Ngọc Hoàng Thượng đế-Trời), sau đó Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi (Âm quang và Dương quang) sinh ra vũ trụ vạn vật. Ngoài niềm tin truyền

thống theo giáo lý, giáo luật, Minh Sư đạo còn có niềm tin vào “cầu cơ” (trước kia) và bây giờ là sự “gieo duyên” với Mẫu, đó là một huyền diệu hi hữu, cũng giống như đạo Cao Đài (có nổi trội hơn và coi là linh hồn của Đại đạo) mà tác giả Trần Văn Rạng đã nhận xét: “Đạo Cao Đài cứ vào Thần linh học mà Thần linh học là một khoa học và một triết lý... Thần linh học làm cho ta thấy chắc chắn rằng linh hồn có thực, tuy xác chết mà hồn vẫn còn và giữa những người sống và người chết vẫn còn giao cảm được”⁶¹.

Thứ hai, với đôi tượng thờ Đức Ngọc Hoàng Thượng đế, Đức Diêu Trì Kim Mẫu (Đức Mẹ hay Tây Vương mẫu) cùng với những lễ nghi và nghi thức cúng tứ thời (Tý, Mão, Ngọ, Dậu) trong các ngày sóc, vọng rất giống như đạo Cao Đài, tuy nhiên Minh Sư đạo cúng thêm 3 ngày Mậu trong tháng, các hoạt động thuần túy tôn giáo tại Phật đường đã làm tròn sứ mạng với Đạo và niềm tin vào đấng thiêng trong việc phổ truyền chân đạo ra khắp Việt Nam. Cùng với lễ phẩm tuyệt đối là đồ chay, trên tam bảo còn bài trí *thiên bàn* với đèn vô cực (bên trong vòng vô cực), bình tịnh thủy cùng với trái cây (đu ngũ quả theo ngũ hành), ngũ trai, hoa, nước (trắng và trà thể hiện âm dương) và đèn lưỡng nghi, điểm này cũng có khác với đạo Cao Đài (đèn thái cực cùng với trái cây, hoa, nước [trắng và trà thể hiện âm dương], *rượu* và đèn lưỡng nghi).

Trải qua hơn 90 năm hình thành và phát triển, Minh Sư đạo ở Hà Nội luôn hoạt động theo đúng tôn chỉ mục đích của Giáo hội Trung ương, đồng thời, thực hiện đúng theo chính sách, pháp luật của Nhà nước hiện hành, mặc dù trong sinh hoạt tôn giáo có khác nhau về các ngày vía; về cách bài trí, cũng như khác nhau về bậc tu thừa... Các thực hành thuần túy tôn giáo đã đáp ứng nhu cầu tâm linh, tôn giáo của tín đồ và một bộ phận người dân Thủ đô. Tuy nhiên, ở tôn giáo này, các buổi sinh hoạt tôn giáo chưa được phong phú cả về nội dung và phương thức truyền tải nên chưa thu hút được đông tín đồ đến sinh hoạt tại Phật đường. Nhất là công việc truyền giáo chưa thực sự có hiệu quả nên số tín đồ mới nhập đạo còn hạn chế, đặc biệt là với tầng lớp thanh niên. Như vậy, Minh Sư đạo rất cần thay đổi phương thức truyền giáo đa dạng và phong phú hơn, cần có sự liên kết, phối hợp

với các Phật đường khác ở vùng phụ cận trong công tác đạo sự và công tác thiện nguyện, để có thể thu hút tín đồ đến với Đạo nhiều hơn.

Thứ ba, với hoạt động hướng đến xã hội, nhất là hoạt động từ thiện, Minh Sư đạo luôn nêu cao tinh thần tương thân tương ái, từ bi, bác ái mà tôn chỉ, mục đích của đạo đã đề ra nhằm cứu khổ nhân sinh, yêu thương đồng đạo, mang hòa bình đến với nhân loại. Dem tinh thần yêu thương, tu nhân tích đức từ đạo đến đời, các chức sắc, chức việc và tín đồ của Minh Sư đạo đã thể hiện qua các hoạt động cụ thể của mình như đưa ra thông điệp bảo vệ môi trường; quyên góp tiền, hiện vật gửi đồng bào bị thiên tai, lũ lụt; tham gia các hoạt động thiện nguyện do chính quyền phát động cũng như chính các chức sắc tại cơ sở tôn giáo quyên góp. Với lòng nhiệt huyết, thiện tâm, Minh Sư đạo ở Hà Nội đã tích cực tham gia đóng góp các quỹ từ thiện xã hội do Hội Chữ thập đỏ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và chính quyền các cấp phát động. Tuy nhiên, do thành phần tín đồ của Minh Sư đạo đa số có mức sống trung bình, số ít là khá giả và nghèo nên sự đóng góp cho công tác từ thiện cũng không được nhiều, bản thân các chức sắc cũng phải tự lực cánh sinh, không dựa dẫm và đợi chờ sự cứu tế của người khác. Hơn nữa Minh Sư đạo chưa có sự phối hợp, liên tôn trong các hoạt động hướng đến xã hội ở Hà Nội nên các hoạt động này chưa hiệu quả. Để công tác từ thiện nói riêng và các hoạt động hướng đến xã hội nói chung ngày một phát triển và có ảnh hưởng đến cộng đồng xã hội ở Hà Nội, Minh Sư đạo cần tích cực phối hợp với các tôn giáo khác trên địa bàn, cùng nhau tham gia công tác từ thiện và các hoạt động thiện nguyện khác để góp phần phát triển nguồn lực cho xã hội.

Có thể thấy, chặng đường hơn 90 năm lịch sử của Minh Sư đạo từ khi đặt chân đến Hà Nội, các chức sắc, chức việc, tín đồ ở Thủ đô Hà Nội luôn thực hiện đúng trách nhiệm của một công dân thủ đô và một người tu hành, thực hiện tốt đời, đẹp đạo và gắn bó, đồng hành với dân tộc. Bên cạnh đó, cần có sự hỗ trợ và tạo điều kiện của Ban Tôn giáo thành phố Hà Nội cùng các ban ngành liên quan để Minh Sư đạo ở Hà Nội thực hiện đúng tôn chỉ mục đích của Đạo và theo đúng Luật Tín ngưỡng, tôn giáo trong việc phát triển đạo./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (2020), *Hiển chương Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo*, Nxb Tôn giáo, tr 5-6.
- 2 Theo lời kể của Cô Thái Phạm Thị Là (trụ trì tại chùa), thời điểm lập chùa ở ngoài Hà Nội chưa có Minh Sư đạo nên các sư phụ gọi chùa để tránh bất lợi cho mỗi đạo, đồng thời cho người dân quanh vùng thấy quen thuộc với thuật ngữ *chùa* thời điểm đó ở Bắc Bộ.
- 3 Theo Điều 2 trong *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2016.
- 4 Nguyễn Văn Hồng (2003), *Cao Đài từ điển*, E-book-pdf trên trang [http://caodaiebook.net/CaoDaiTuDien\(v2012\)/cddd-van_NG.htm](http://caodaiebook.net/CaoDaiTuDien(v2012)/cddd-van_NG.htm) (truy cập ngày 18/1/2021).
- 5 *Truyện Y Bát* tức là Sư tổ đời trước truyền lại cho người kế vị chiếc bình bát và tấm áo cà sa đã dùng từ đời Sơ tổ.
- 6 Nguyễn Cẩm Xuyên (2010), “Tổ sư đời thứ 6 của Phật giáo Thiên tông Trung Hoa là người Việt Nam”, đăng trên <https://giacngo.vn/lichsu/nhanvat/2010/08/13/57701A> ngày 13/08/2010 07:28 (GMT+7), truy cập ngày 30/3/2021.
- 7 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (dịch, 1949). *Vô cực truyền tông chí*, Gia Định, tr 53-55, tài liệu lưu hành nội bộ của Đạo.
- 8 Theo *Vô cực truyền tông chí*, Tlđđ, tr 56.
- 9 *Tông phái Minh Sư và giáo lý cứu thế*, <http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Tong-phai-Minh-Su-va-giao-ly-cuu-the-1011>, đăng tải ngày Thứ hai, 03/12/2007, 17:19, truy cập 18/1/2021.
- 10 *Vô cực truyền tông chí*, Tlđđ, tr 3.
- 11 Theo *Vô cực truyền tông chí*, Tlđđ, tr 57.
- 12 Theo *Vô cực truyền tông chí*, Tlđđ, tr 66-68. Tổ thứ mười bảy là Tiên thiên Ngũ lão Tây phương Kim Công hóa thân làm Kim Bí Tổ sư; Tổ thứ mười tám là Trung ương Nguơn linh Huỳnh lão Cổ Phật hóa thân là Thổ Tổ.
- 13 Bởi, theo Hiển chương Minh Sư đạo cho biết: Năm Quý Hợi (1863-năm Tự Đức thứ 16), Ngài Đông Sơ tổ lập ở Hà Tiên ngôi Phật đường lấy tên là *Quảng Tế Phật đường*, nhưng trước đó, Ngài đã đến Việt Nam (thời vua Tự Đức trị vì từ 1847-1883) lập tại 57 Cầu Kho (Chợ Lớn) một Phật đường gọi là “*Chiếu Minh Phật đường*” (không rõ năm nào).
- 14 Theo *Vô cực truyền tông chí*, Tlđđ, tr 69.
- 15 *Tông phái Minh Sư và giáo lý cứu thế*, <http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Tong-phai-Minh-Su-va-giao-ly-cuu-the-1011>, đăng ngày Thứ hai, 03/12/2007, 17:19, truy cập ngày 18/1/2021.
- 16 Theo tiểu sử của Hòa thượng Thích Hiền Kỳ (1863-1936), thế danh Trần Quốc Lượng (Trần Xuân Lượng), khi còn nhỏ, Hòa thượng đã ăn chay và ngài đánh lễ Lão sư Lưu Đạo Nguyên (tục gọi là Lưu Minh - người Trung Quốc) xuất gia đạo Minh Sư. Trong khoảng cuối thế kỷ XIX, Hòa thượng

- theo hầu các bậc tổ sư Trương Đạo Dương, đạo trưởng Lưu Đạo Nguyên qua lại giữa Quảng Châu và Sài Gòn, được các bậc tiên bối hướng dẫn về Thanh Sơn Đạo giáo Thuần Dương cung tại Trung Quốc. Dẫn theo: <http://chuaxaloi.vn/thong-tin/hoa-thuong-thich-hien-ky-18631936/2449.html>, truy cập ngày 18/5/2021.
- 17 *Tông phái Minh Sư và giáo lý cứu thế*, <http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Tong-pha-Minh-Su-va-giao-ly-cuu-the-1011>, đăng ngày Thứ hai, 03/12/2007, 17:19, truy cập ngày 18/1/2021.
 - 18 Đoàn Minh Huân, Nguyễn Ngọc Hà (đồng chủ biên, 2017), *Vùng đất Nam bộ*, (tập 5: từ năm 1859 đến năm 1945), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr 98-99.
 - 19 Hiện nay, ở Diêu Nam đường (chùa Diêu Nam) còn thờ bài vị của 3 vị tổ: Ở giữa là Cung Thụy (Thoại) Đình Tổ sư hiệu Cung Đạo Kỳ là tổ thứ 25, hàng phải là Trần Tây Lâm Tổ sư hiệu Trần Đạo Minh là tổ 26, hàng trái là Đại Lão Tiên sư Trình Đạo Thanh.
 - 20 *Vô cực truyền tông chí*, Tlđđ, tr 78.
 - 21 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (2020). *Hiển chương...*, Sđđ, tr 5.
 - 22 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (2018), *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự lần thứ II nhiệm kỳ (2013-2018) và Chương trình hoạt động khóa III (2018-2023) của Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo*, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - 23 Đối với Minh Sư đạo thì cơ sở thờ tự gọi là Phật đường và sau tên chùa đều có Phật đường hoặc đường, ví dụ như: Quang Nam Phật đường, Hòa Nam Phật đường, Thiên Huê Phật đường, Diêu Nam đường,...
 - 24 Theo *Hiển chương*, vào năm 1900, Ngài Lão sư Ngô Cẩm Tuyền xây xong chùa Ngọc Hoàng tại số 73 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, Quận 1, Sài Gòn. Do hoàn cảnh khách quan, chùa Ngọc Hoàng chuyển qua chùa Phật. Năm 1920, Ngài Ngô Cẩm Tuyền lập một Phật đường khác tại số 17 Trần Quang Khải, Quận 1, Sài Gòn, lấy tên là *Quang Nam Phật đường*.
 - 25 Ban Tôn giáo Chính phủ (2019), *Sổ tay công tác tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, tr 65.
 - 26 Chùa này đã không còn hoạt động, ngôi chùa vẫn được giữ nguyên trạng, hiện nay do Ban Chỉ huy quân đội quận Đống Đa quản lý và sử dụng tại số 23 Ngõ Giếng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Trong khu doanh trại quân đội này vẫn còn ngôi chùa Minh Nam và trong đó còn 1 bia ghi công đức xây dựng chùa Minh Nam được lập ngày 20 tháng 10 năm Canh Ngọ (niên hiệu Bảo Đại thứ 5 [1930]) và bia gửi giỗ Hậu ở Phật đường Minh Nam cũng lập cùng năm.
 - 27 Theo lời kể của Trụ trì chùa Diêu Nam (phẩm Bảo ân) cho biết hiện nay chùa thuộc chùa làng tu theo Phật giáo nhưng vẫn còn thờ các Tổ sư Minh Sư tại chùa.

- 28 Chuông tại Diệu Nam đường cao 106cm, rộng 51cm, tai chuông cao và rộng đều 35cm. Chuông có 4 mặt, mỗi mặt đề 1 chữ to Diệu-Nam-Phật-Đường. Chuông đúc năm Niên hiệu Bảo Đại năm thứ 6 [1931] - Tân Mùi, đúc chuông sau ngày lập Đông. Nội dung chuông chỉ có trên mặt chữ Phật: “Ngô Thị Trang cùng toàn gia quyền, thôn Nguyên Khê hạ, tổng Phúc Lâm, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội cung tiến. Thiện nam tín nữ thập phương cùng trợ giúp” (ThS. Hoàng Thị Thu Hương, Viện Nghiên cứu Tôn giáo dịch).
- 29 Chữ gốc (五娘): năm vị nữ.
- 30 Bia công đức tại Diệu Nam đường được ốp vào tường (hai bia ốp hai bên tường ở chính điện) lúc xây dựng có kích thước dài và rộng là 3000cm x 94cm; diềm (hay trán) bia 11 cm (hai phía); lòng bia 72cm; sâu 9cm; khung ngoài 3.030cm x 108cm, trang trí hoa văn (ThS. Hoàng Thị Thu Hương, Viện Nghiên cứu Tôn giáo dịch).
- 31 Tư liệu điền dã của nhóm nghiên cứu trong tháng 10 năm 2020, do các cô, cô thái tại Diệu Nam đường cung cấp.
- 32 Hiện được các cô thái lưu giữ tại Diệu Nam đường.
- 33 Hiện nay chùa Diệu Nam (Diệu Nam đường) đã bị di dời (từ năm 2020) và dựng chùa tạm trên vị trí (khoảng 200 m²) phía sau của chùa cũ.
- 34 Theo *Thiên bàn*, ngũ hành được sắp xếp theo thứ tự (từ trong nhìn ra) như sau: Ở giữa là Thổ, bên phải là Mộc, Hỏa; bên trái là Kim, Thủy.
- 35 Một trong tám vị tiên của Đạo giáo: Tám vị tiên, theo ấn bản sau đời nhà Minh, là gồm có: Lý Thiết Quả, Hán Chung Ly, Lã Động Tân, Hàn Tương Tử, Trương Quả Lão, Lam Thái Hoà, Hà Tiên Cô và Tào Quốc Cửu. (theo Thanh Ngọc [2018], *Truyền thuyết về bát Tiên* (Phần 1: *Vì sao Lý Thiết Quả bị tạt nhưng lại đứng đầu số Tiên*), <https://dkn.news/van-hoa/truyen-thuyet-ve-bat-tien-p-1-vi-sao-ly-thiet-quai-bi-tat-nhung-lai-dung-dau-so-tien.html>, đăng tải ngày 17/3/2018, truy cập ngày 18/12/2021).
- 36 Phỏng vấn Trụ trì Diệu Nam đường ngày 13/10/2020.
- 37 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo, *Y bát chơn truyền diển nghĩa* (1948; sao y năm 1997), tr 7. Tài liệu lưu hành nội bộ của Đạo
- 38 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo, *Y bát chơn truyền diển nghĩa*, Tlđđ, tr11-13.
- 39 Phỏng vấn Cô Lê Thị Ngọc Hà (pháp danh Lê Ngọc Lưu Ly), phẩm Thiên ân tại Diệu Nam đường, ngày 9 và 13/10/2020.
- 40 Cũng xem: Huệ Khải (2013), “Tìm hiểu ý nghĩa danh xưng ‘Diêu Trì Kim Mẫu’ trong Đạo giáo và đạo Cao Đài”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8, tr 67-70.
- 41 Theo *Vô cực truyền tông chí*, Tlđđ, tr 4 -10.
- 42 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tín ngưỡng (2018), *Sổ tay công tác tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr 77-79

- 43 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo, (2020). *Hiển chương...*, Sdd, tr 12.
- 44 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo, (2018). *Hiển chương...*, Sdd, tr 10 -11.
- 45 Phỏng vấn các cô, cô thái ở Diêu Nam đường, ngày 22/10/2020.
- 46 Trong *Từ điển Phật học online* có giải thích: “Mậu (戊) ở vị trí thứ 5, Kỷ (己) ở vị trí thứ 6; trong Ngũ Hành hai can này thuộc về Thổ; về phương hướng chúng ở vị trí trung ương; về thời khắc thì trước giờ Ngọ 4 tiếng, hay trước sau giờ Ngọ hai tiếng. Cho nên, Mậu Kỷ là tên gọi khác của Thổ”. Trên trang <https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/mau-ky-k4530.html>, truy cập ngày 25/12/2020.
- 47 *Địa Mầu chân kinh* (chính văn và giảng nghĩa), Lê Công Đồng dịch, diễn giải, chùa Diêu Nam, Hà Nội, tr 4 và 49.
- 48 Cũng xem: Huệ Khải (2013), Tlđđ.
- 49 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo, (2020). *Hiển chương...*, Sdd, tr 41.
- 50 Quang Thành (2020), “Lùm xùm quanh việc 'thu hồi đất chùa Diêu Nam, đền bù cho người không liên quan’”, <http://daidoanket.vn/lum-xum-quanh-viec-thu-hoi-dat-chua-dieu-nam-den-bu-cho-nguoi-khong-lien-quan-509035.html>, đăng tải ngày 8/10/2020, truy cập ngày 18/12/2021.
- 51 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (2020), *Hiển chương...*, Tlđđ, tr 29-30.
- 52 Phỏng vấn nhanh Cô Hà ở Diêu Nam đường, 2-2021
- 53 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (2013), *Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ 1 (2008-2013) và phương hướng nhiệm kỳ 2 (2013-2018)*.
- 54 Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo (2018), *Báo cáo tổng kết...* Tlđđ.
- 55 Ví dụ, bài thuốc số 4 gồm có: *Hạ khô thảo, Phòng phong, Cam thảo, Phục thần, Sinh địa, Hoàng cầm*; bài thuốc số 6 gồm: *Phục linh, Xích Thược, Đỗ trọng, Cam thảo, Đẳng tâm, Thanh bì, Tiền hồ*.
- 56 Phỏng vấn sâu chủ của hiệu thuốc Đông y Hồng Bàng ở chợ Mơ ngày 22/10/2020. Bà chủ hiệu thuốc có thể nói đại ý về bệnh tình của người đến mua thuốc thông qua các vị được liệt kê trong đơn thuốc.
- 57 Phỏng vấn nhóm tín đồ tại Diêu Nam đường ngày 22/10/2020.
- 58 “Minh Sư đạo: Muốn không có biến đổi khí hậu phải bảo vệ môi trường”, <http://daidoanket.vn/minh-su-dao-muon-khong-co-bien-doi-khi-hau-phai-bao-ve-moi-truong-449775.html>, đăng tải ngày 14/10/2019, truy cập ngày 15/10/2020.
- 59 Nguyễn Thế Lợi (2018), “Bảo vệ môi trường trong các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo”, <https://www.moitruongvadothi.vn/moi-truong/bien-doi-khi-hau/bao-ve-moi-truong-trong-cac-co-so-tin-nguong-ton-giao->

a31909.html?utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&zarsrc=30&fbclid=IwAR06s6qeJbML28w1YelnEiHnIPaq9aDgRJ7SP Pf5ybc1eYvVubZl5Wexnkc, đăng tải ngày 14/8/2018, truy cập ngày 15/10/2020.

60 Đỗ Quang Hưng (2010). *Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long – Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, tr 339.

61 Trần Văn Rạng (1970). *Đại đạo sử cương*, quyển 2, tr 23.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đàm Tuấn Anh (2018), *Tôn giáo và công tác tôn giáo ở Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1998), *Chỉ thị về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Số 37-CT/TW, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2003), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 (khoá IX) về công tác tôn giáo*, Số 25-NQ/TW, Hà Nội.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Giá trị di sản của đa dạng tôn giáo ở Việt Nam và những đóng góp đối với xã hội Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
5. Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội (2020). *Đảng bộ thành phố Hà Nội 90 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
6. Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (1997), *Y bát chọn truyền diển nghĩa*, 1948 (sao y năm 1997), tài liệu lưu hành nội bộ.
7. Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (2020), *Hiến chương Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
8. Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (2013), *Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ I (2008-2013) và phương hướng nhiệm kỳ 2 (2013-2018)*.
9. Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo (2018). *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự lần thứ II nhiệm kỳ (2013-2018) và Chương trình hoạt động khóa III (2018-2023) của Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo*, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Đoàn Minh Huân, Nguyễn Ngọc Hà (đồng chủ biên, 2017), *Vùng đất Nam bộ (Tập 5: Từ năm 1859 đến năm 1945*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
11. Đỗ Quang Hưng (2010), *Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long – Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
12. Đỗ Quang Hưng (2009), *Nghiên cứu tôn giáo nhân vật và sự kiện*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Huệ Khải (2009), “Tam giáo trong đạo Cao Đài”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 30-33.
14. Huệ Khải (2013), “Tìm hiểu ý nghĩa danh xưng ‘Điều Trì Kim Mẫu’ trong Đạo giáo và đạo Cao Đài”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8, tr. 67-70.
15. Dương Ngọc Kiên (2014), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo*

- trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
16. Phạm Thị Phương Mai (2014), *Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
 17. Nguyễn Hữu Minh (2014), *Đời sống văn hóa của cư dân Hà Nội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 18. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2017), *Vai trò của tôn giáo trong xây dựng niềm tin xã hội*, Nxb Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
 19. Bùi Văn Nhân (1932), *Tân luật*, Hội thánh Cao Đài, Bến Tre.
 20. Trần Tuấn Phong, Nguyễn Thị Lan Hương (chủ biên 2018), *Tôn giáo Tây Nam bộ một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
 21. Đinh Hồng Phúc (2013), “Đạo Cao Đài trong phát triển kinh tế nhìn từ góc độ giáo lý”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr 47-51.
 22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, số 02/2016/QH14, Hà Nội.
 23. Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Ngọc Quỳnh (2013), *Tìm hiểu về các tôn giáo nội sinh ở Việt Nam hiện nay*, (sách hỏi đáp), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 24. Trần Tiến Thành (2009), “Vài nét về Phật đường Nam tông (Minh Sư Đạo)”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 02 (68), tr. 27- tr 30.
 25. Hoàng Minh Thiện (2014), “Giáo hội Phật Đường Nam tông Minh Sư đạo thực hiện phương châm: giáo hoá chúng sanh, tu chơn giải thoát”, Tạp chí *Công tác tôn giáo* (Ban Tôn giáo Chính phủ), số 09 (97), tr. 56, 57 và 62.
 26. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội (2019), *Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh*, tập 6, Hà Nội.
 27. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hà Nội, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tín ngưỡng (2018), *Sổ tay công tác tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
 28. Võ Thành Văn (2014), “Thủ bản về niềm tin đời thường và niềm tin tôn giáo”, *Nguyệt san Giác ngộ*, Phụ trương nghiên cứu Phật học của Báo *Giác ngộ*, số 215, tháng 2-2014, trang 59-65.
 29. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2010), *Một số vấn đề cơ bản về những tôn giáo ở Nam Bộ*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ do TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc chủ nhiệm, lưu hành nội bộ.
 30. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2015), *Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, đề tài cấp Nhà nước do TS. Nguyễn Quốc Tuấn chủ nhiệm, lưu hành nội bộ, Hà Nội.
 31. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2018), *Hoạt động tín ngưỡng-tôn giáo trong*

gia đình Việt Nam hiện nay, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ độc lập do TS. Nguyễn Quốc Tuấn chủ nhiệm, Hà Nội.

32. *Vô cực truyền tông chí (1949)*, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo dịch, Gia Định, tài liệu lưu hành nội bộ.
33. Trần Văn Rạng (1970), *Đại đạo sử cương*, quyển 2.

Abstract

RELIGIOUS PRACTICES OF MINH SƯ RELIGION IN HANOI AT PRESENT

Nguyen Thi Que Huong

Institute for Religious Studies, VASS

Pham Quang Tung

Institute for Religious Studies, VASS

Minh Su religion is a messianic religion that originated from China and was introduced to South Vietnam during the period from 1811 to 1863. It built two Buddhist temples, one in Saigon and the other in Ha Tien (Kien Giang province). Through many vicissitudes of Vietnamese history, Minh Su religion has found a place in the hearts of the nation and spread to many provinces and cities in Vietnam, including Hanoi. Over 90 years of presence in the Capital, Minh Su religion has made significant contributions to the spiritual life of believers in the Capital. Since its spread in Hanoi, Minh Su religion has always been cautious in all religious activities, strictly complied with the laws of the State, however, its status has not been clearly established due to the small number of followers. This article focuses on the faith and religious practices of Minh Su religion, its contributions to the development of social resources.

Keywords: Master of Religion; Religious practice; Dieu Nam Buddha Hall; Hanoi.